UBND PHƯỜNG NHỊ CHIỂU **PHÒNG XD, NN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/QĐ-KT,HT&ĐT	*Nhị Chiểu, ngày 30 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 của Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường Nhị Chiểu

TRƯỞNG PHÒNG XD, NN VÀ MÔI TRƯỜNG PHƯỜNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Nhị Chiểu về điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định 110/QĐ-UBND ngày 22/7/2026 của UBND phường Nhị Chiểu về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách phường năm 2026;

Theo đề nghị của phụ trách Kế toán phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 của Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường Nhị Chiểu.

(theo biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường và chuyên viên Phụ trách kế toán phòng tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- CB, CC phòng XD, NN và MT phường;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
P. NHỊ CHIỂU T.P HẢI PHÒNG

Trần Văn Tuyên

Đơn vị: Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường Nhị Chiểu **Mẫu biểu số 74**

Chương: 834

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 22/7/2026 của UBND phường Nhị Chiểu về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách phường năm 2026)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	**Lệ phí**	
2	**Phí**	
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**	
1	***Chi sự nghiệp***	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	**Lệ phí**	
2	**Phí**	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**12.943**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**12.943**
1	**Chi quản lý hành chính**	**724**
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	724
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**10**
2.1	***Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ***	
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	***Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ***	***10***
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo*	
-	*Nhiệm vụ chuyển đổi số*	*10*
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**7.014**

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7.014
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**4.351**
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.351
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**844**
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	844
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	

Ngày 30 tháng 7 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
P. NHỊ CHIỂU T.P HẢI PHÒNG

TRƯỞNG PHÒNG

TRẦN VĂN TUYÊN